

ĐÓNG GÓP CỦA CHƯƠNG DỤNG VÀO NGHIÊN CỨU LỊCH CỔ VIỆT NAM

Lê Thành Lâm,* Phạm Vũ Lộc**

Rất ít người để tâm nghiên cứu lịch cổ Việt Nam. Gần đây, Tiến sĩ Yukio Ohashi (Nhật Bản) có gửi cho chúng tôi bài báo “Việt lịch sóc nhuận khảo” [1] của Chương Dụng, chúng ta mới biết được Chương Dụng là người đầu tiên nghiên cứu lịch cổ Việt Nam. Người thứ hai nghiên cứu lịch cổ Việt Nam là Học giả Hoàng Xuân Hãn.

Các cuốn lịch cổ mà ta biết tên cũng không nhiều, và gần đây nhiều cuốn bị thất lạc. Bài báo trên nghiên cứu cuốn *Bách trúng kinh* ký hiệu A2517 có lịch Việt Nam từ năm 1759 đến 1886 ở Viện Viễn Đông Bác cổ, mà nay đã thất lạc. Học giả Hoàng Xuân Hãn có nghiên cứu một cuốn *Bách trúng kinh* khác, có lịch Việt Nam từ năm 1624 đến năm 1799 để viết cuốn *Lịch và lịch Việt Nam* [2]. Chúng tôi ngờ rằng đó là bản *Bách trúng kinh* ở Viện Viễn Đông Bác cổ có ký hiệu A2872 mà nay cũng đã thất lạc. Cuốn *Lịch Việt Nam 1901-2010* (LVN) [3] có dẫn cuốn lịch cổ *Hoàng triều Minh Mệnh Khâm định vạn niên thư* có lịch Việt Nam từ năm 1544 đến 1861. Chúng tôi có hỏi ông Nguyễn Mậu Tùng, tác giả cuốn lịch trên về cuốn lịch cổ đó; ông nói, ông cũng không còn biết nó ở đâu nữa, tức là chỉ sau hai, ba chục năm cuốn lịch cổ đó đã thất lạc. May mà chúng tôi còn được đọc cuốn *Khâm định vạn niên thư* [4] có lịch Việt Nam từ năm 1544 đến 1903, nó được in lại có bổ sung sau 12 năm từ cuốn lịch cổ đó.

Bài báo “Việt lịch sóc nhuận khảo” viết về cuốn *Bách trúng kinh* A2517 đã bị mất, liệu nó có thể giúp ta bù đắp được phần nào cho sự mất mát đó không?

Theo Học giả Hoàng Xuân Hãn, trong khoảng hai trăm năm từ 1080 đến 1300, lịch Việt Nam khác hẳn lịch Trung Quốc [2]. Theo chúng tôi, từ 1080 đến 1945, các triều đại phong kiến đều cho soạn lấy lịch riêng của Việt Nam để sử dụng [5]. Song, việc tìm lại lịch cổ Việt Nam là rất khó, vì từ khi người Pháp vào nước ta họ cho soạn các sách đối chiếu lịch dương với lịch âm, nhưng lại dùng lịch âm Trung Quốc, nên hầu như mọi người quên mất rằng, lịch Việt Nam vốn khác lịch Trung Quốc. Chúng tôi đã khảo cứu kỹ ba cuốn lịch cổ là *Bách trúng kinh* [1624-1785] (bản in) ký hiệu A2873 ở Thư viện Viện Hán Nôm, *Khâm định vạn niên thư* [1544-1903] [4] (bản in) ký hiệu R2200 ở Thư viện Quốc gia và *Lịch*

* Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

** Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

đại niên kỷ bách trúng kinh [1740-1883] [6] (bản chép tay) ký hiệu A1237 ở Thư viện Viện Hán Nôm và tìm thấy lịch nước ta từ năm 1544 đến nay [5]. Lịch của các năm trong khoảng thời gian đó lấy từ ba cuốn lịch trên dường như có đủ cả, chỉ thiếu lịch của năm Quý Sửu (1793). Đặc biệt, lịch Tây Sơn từ 1789 đến 1801 chỉ có ở 1 bản chép tay có nhiều lỗi là *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* [6] và còn thiếu năm 1793 như vừa viết trên nên cần có chứng cứ để khẳng định thêm. Lịch nhà Nguyễn từ năm 1850 đến năm 1883, cũng cần có thêm cứ liệu, vì ở giai đoạn đó, hiện chúng tôi dựa chính vào cuốn *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* (bản chép tay có nhiều lỗi) [6] chứ không theo cuốn *Khâm định vạn niên thư* [4], đây là luận chứng cần kiểm định lại. Chính vì vậy, chúng tôi hi vọng nhiều vào thông tin từ bài “Việt lịch bóc nhuận khảo” của Chương Dụng, mong rằng nó có thể cung cấp cho ta những thông tin phong phú từ cuốn *Bách trúng kinh* A2517 [1759-1886] mà nay đã thất lạc.

Trước tiên, chúng tôi xin viết đôi lời về Chương Dụng – một người Trung Hoa, là người đầu tiên nghiên cứu lịch cổ Việt Nam, ngay từ cuối thập niên 30 của thế kỷ trước.

Ký giả Tiền Vĩnh Hồng gọi Chương Dụng là “công tử kỳ tài”, bởi vì ông sinh ra trong một gia đình danh giá và thật sự ông là một người trẻ tuổi có tài.

Chương Dụng là con thứ hai của ông Chương Sĩ Chiêu và bà Ngô Nhượng Nam, đều là những trí thức yêu nước rất nổi tiếng ở Trung Quốc. Chương Sĩ Chiêu là một nhân sĩ có nhiều góc cạnh, đa năng, đa tài, quảng giao và có tư tưởng độc lập, không đảng phái; ông là nhà báo, nhà văn và luật sư. Ông từng là Ủy viên Ủy ban Thường vụ Nhân Đại (Quốc hội) và Chính Hiệp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, và Viện trưởng Viện Nghiên cứu Lịch sử và Văn học Trung ương. Ngô Nhượng Nam là nữ đảng viên đầu tiên của Quốc dân Đảng Trung Quốc và là người đi tiên phong trong phong trào nữ quyền của Trung Quốc, bà rất thạo tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Pháp. Bà là phụ nữ Trung Quốc đầu tiên đi du học ở Nhật Bản cũng như ở châu Âu. Bà từng làm Thư ký tiếng Anh cho Tôn Trung Sơn.

Chương Dụng, sinh năm 1911 tại Scotland, nước Anh. Về nước, lúc đầu ông học hành tại nhà với mẹ. Năm 1929, ba anh em ông theo mẹ sang Anh du lịch. Sau đó em trai ông là Chương Nhân ở lại Anh học tập, anh trai ông là Chương Khả sang Ý học nghệ thuật; ông theo mẹ sang Đức và học ở đó.

Ở Đức, sau khi học xong phổ thông, năm 1931, ông theo học Khoa Toán của Đại học Göttingen, nghiên cứu vật lý, hóa học và triết học, học thêm cả tiếng Latin. Năm 1936, do khó khăn về kinh tế của gia đình, mẹ ông cùng ba anh em ông trở về Trung Quốc. Về nước, ông trở thành Giáo sư của Đại học Sơn Đông và Đại học Chiết Giang. Trong chiến tranh kháng Nhật, Đại học Chiết Giang phải di chuyển

đến Giang Tây, rồi Quảng Tây. Những ngày chạy nạn và làm việc quá sức khiến ông bị bệnh phổi, bệnh tình ngày càng nặng, nên tháng 3 năm 1939, ông phải đi Hương Cảng trị bệnh phổi và mất tại đó vào ngày 16 tháng 12 năm 1939.

Trong các di văn của ông, ngoài các bài khảo cứu về toán học và lịch sử toán học, chúng ta còn thấy có mấy bài viết về lịch như “Dương lịch Giáp Tý khảo” (Khảo về lịch Dương và lịch Giáp Tý), “Bắc Di Phật lịch giải” (Giải mã Phật lịch của người Bắc) và “Việt lịch sóc nhuận khảo” (Khảo về sóc nhuận của lịch Việt Nam).

Ngày 22 tháng 10 năm 1938, Chương Dụng sang Việt Nam, đến Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội để tham quan và đọc các sách toán chữ Hán của Việt Nam. Ở đây, ông đã lập thư mục sách riêng cho mình, chủ yếu là sách toán học và có sao chép một số tài liệu, ông chú ý đến các sách của các nhà toán học Việt Nam như Lương Thế Vinh, Nguyễn Hữu Thận, Phan Huy Khuông, Phạm Văn Dụ, Phạm Gia Kỳ, Phạm Hữu Trọng.

Trong dịp đó, ông đọc cuốn lịch cổ Việt Nam là *Bách trủng kinh*, có ký hiệu A2517 ở Viện Viễn Đông Bác cổ, có lịch Việt Nam từ năm 1759 đến năm 1886 và viết ngay bài “Việt lịch sóc nhuận khảo” [1] mà năm sau khi đến Hương Cảng (một nhượng địa thuộc Anh) chữa bệnh, ông gửi cho Tạp chí *Tây Nam Nghiên cứu* vào ngày 01 tháng 4 năm 1939, được tạp chí in vào số 01 năm 1940. Chúng tôi đã có dịp giới thiệu tư liệu này trong bài “Việt lịch sóc nhuận khảo” – Bài viết đầu tiên về lịch cổ Việt Nam [7]. Trước khi về nước, ông còn được nhà nghiên cứu Trần Văn Giáp cho biết ở Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp còn có cuốn *Bách trủng kinh* A2873. Nếu sức khỏe và thời gian cho phép, chắc ông sẽ tiếp tục nghiên cứu cuốn lịch cổ này, và nhất định ông sẽ thu thêm được những kết quả phong phú hơn, vì cuốn *Bách trủng kinh* A2873 này có lịch từ năm 1624 đến 1785.

Chúng tôi xin giới thiệu hai đóng góp chính của bài “Việt lịch sóc nhuận khảo” [1] của Chương Dụng.

Một là, đóng góp của Chương Dụng cho việc khảo cứu lịch nhà Nguyễn

Bài của Chương Dụng có 5 lỗi về “lịch pháp”, chúng như những lỗi “chính tả”, người có hiểu biết về lịch pháp sẽ phát hiện ngay được. Cụ thể: 2 chữ “Đại” (đủ) viết sai thành chữ “Tiểu” (thiếu); 1 chữ “Thìn” viết sai thành “Tuất”; 1 chữ “Nhuận” bị thiếu; 1 chữ “Lục” viết sai thành chữ “Bát” [7]. Điều này có thể lý giải được, đó là do ông viết gấp, khi ông đang ốm nặng, và khi bài được lên khuôn thì tác giả đã mất, tạp chí không có người giỏi lịch pháp để sửa mo-rát nên mới sai như vậy. Tuy thế, lỗi này không nặng.

Loại lỗi thứ 2 nghiêm trọng hơn, chúng tập trung ở bảng 4 trong bài viết của ông [1], ở đó Chương Dụng nêu ra 5 trường hợp (vào các năm 1841, 1848, 1856,

1866, 1869) trong khoảng thời gian từ 1841 đến 1869, ông cho rằng lịch ở cuốn *Bách trủng kinh* A2517 khác với *Thanh vạn niên thư*, và như vậy có thể làm ta **hiểu nhầm** thành “5 trường hợp này lịch Việt Nam khác lịch Trung Quốc”. Thực ra không phải thế. Sự thật là **Hai lịch vẫn giống nhau. Ở đây không có sai sót về số liệu, mà là sai sót về thẩm định các dữ liệu**. Vấn đề là, thời đó, lịch nhà Thanh và lịch nhà Nguyễn (từ năm 1813) đều soạn theo phép Thời Hiến, phép lịch này cải tiến từ phép Đại Thống bằng cách ứng dụng các kiến thức toán học và thiên văn của phương Tây do các Giáo sĩ đạo Cơ Đốc đưa vào Trung Quốc. Do thể thức biên soạn lịch của cả Trung Quốc và Việt Nam thời đó đều theo hai giai đoạn, có **dự soạn** và **cập nhật**, nên đều có dị bản, nhưng lịch Việt Nam trong *Bách trủng kinh* A2517 là bản chính thức (đã cập nhật) được dùng ở Việt Nam thời đó, trong khi lịch các năm này trong cuốn “*Thanh vạn niên thư*” (theo cách gọi của Chương Dụng) lại là dị bản (bản dự soạn) của lịch Trung Quốc.

Đính chính sai sót về nhận dạng lịch Trung Quốc của Chương Dụng, ta sẽ hiểu được thực trạng lịch Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn đó, và do đó khẳng định lịch chính thức của Việt Nam và nêu được đóng góp của cuốn *Bách trủng kinh* A2517 cho việc khảo lịch nhà Nguyễn, cũng là đóng góp của Chương Dụng. Để làm việc này, chúng tôi lập Bảng 1 về lịch Việt Nam và Trung Quốc ở giai đoạn này.

Bảng 1: Tình trạng lịch Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 1840 đến 1883.

Năm		Tháng âm	Ngày sóc (theo lịch dương)					
Dương	Can chi		Trung Quốc			Việt Nam		
			Chính thức	Đạo	Chương	A2517	LDNK	VNT
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1841	Tân Sửu	Chạp	11-1	12-1	12-1	11-1	11-1	11-1
1848	Mậu Thân	Chạp	26-12	25-12	25-12	26-12	26-12	26-12
1856	Bính Thìn	Một	28-11	27-11	27-11	28-11	28-11	27-11
1866	Bính Dần	Tư	14-5	15-5	15-5	14-5	14-5	15-5
1869	Kỷ Tị	Tư	12-5	11-5	11-5	12-5	12-5	11-5

Ghi chú:

+ Cột 4: Lịch “Chính thức” của Trung Quốc, chúng tôi lấy từ 4 cuốn lịch của Hoàng Bá Lộc [8], Trần Viên [9], Tiết Trọng Tam và Âu Dương Di [10], và cuốn *Vạn niên lịch (Tân bản)* [11], chúng đều giống nhau.

+ Cột 5: “Đạo” là *Đạo Quang vạn niên thư* [12] là lịch được dự soạn của vua Đạo Quang. Cuốn lịch này chúng tôi đọc trên mạng.

+ Cột 6: “Chương” là lịch do Chương Dụng lấy từ “*Thanh vạn niên thư*” theo cách gọi của ông [1].

+ Cột 7: “A2517” là lịch Việt Nam do Chương Dụng lấy từ *Bách trủng kinh* A2517 [1].

+ Cột 8: “LDNK” là lịch lấy từ *Lịch đặt niên ký bách trủng kinh* [6].

+ “VNT” là lịch lấy từ *Khâm định vạn niên thư* [4].

Về tư liệu lịch Trung Quốc: Các cuốn lịch của họ Hoàng, họ Tiết và họ Âu ghi lịch Trung Quốc cho hàng ngàn năm, và cuốn *Vạn niên lịch (tân bản)* được biên soạn sau này có lịch các năm ta cần dùng, chúng đều giống nhau và là lịch chính thức được dùng đương thời ở Trung Quốc.

Dường như ở Trung Quốc thời nhà Thanh không có sách nào có tên gọi cụ thể là “*Thanh vạn niên thư*”, vì mỗi hoàng đế khi lên ngôi, gọi năm sau theo niên hiệu của mình, đều cho biên soạn lại *Vạn niên thư* gắn với niên hiệu đó và khởi từ đây đến 200 năm sau, cứ lấy niên hiệu đó đặt tên cho cuốn *Vạn niên thư* của mình. Cho nên có nhiều bản *Vạn niên thư*: *Gia Khánh vạn niên thư (1796-1995)*, *Đạo Quang vạn niên thư (1821-2020)*, *Hàm Phong vạn niên thư (1851-2050)*. Các *Vạn niên thư* này được “dự soạn” rất nhanh chóng nên độ chính xác không được cao; để sử dụng thật sự, thì hàng năm đều có “cập nhật” bằng cách tính lại lịch năm tới với độ chính xác cao hơn để cuối năm nhà vua ban phát thành lịch cho năm sau. Lịch “cập nhật” đó mới là lịch được dùng chính thức ở đương thời. Khi đó, nếu có khác với lịch dự soạn, thì thường chỉ lệch 1 ngày sóc (từ đó làm thay đổi tính thiếu đủ của 2 tháng liền nhau).

Năm năm được đề cập đến ở Bảng 1 chỉ có ở các *Vạn niên thư* sớm như *Đạo Quang vạn niên thư* hay *Gia Khánh vạn niên thư*. Từ *Hàm Phong vạn niên thư* đã không có các năm 1841 và 1848 nữa. Như thế ta có thể đoán rằng Chương Dụng đã dùng một trong hai cuốn *Vạn niên thư* kể trên. Chúng tôi suy luận rằng, ngày đó ở Viện Viễn Đông Bác cổ có 1 trong 2 cuốn đó, Chương Dụng dùng nó và gọi luôn là *Thanh vạn niên thư* để chỉ rõ ông chép lịch nhà Thanh.

Phải nói thêm rằng, sở dĩ ông nhanh chóng viết được bài này, vì ông được đào tạo rất cơ bản và toàn diện ở Đức, và vì ông đã từng nghiên cứu lịch pháp, đã viết hai bài về lịch, ông nắm vững phép làm lịch, nhưng ông chưa khảo cứu cụ thể lịch của nhà Thanh Trung Quốc, và khi ở Hà Nội ông không có đủ tư liệu để tham khảo, nên không biết rằng, lịch nhà Thanh có những dị bản. Và ở Viện Viễn Đông Bác cổ chắc cũng chỉ có một bản *Vạn niên thư* dự soạn đó của nhà Thanh.

Tư liệu về lịch Việt Nam giai đoạn này, chúng ta có ở 2 cuốn lịch cổ. Trong đó, theo chúng tôi, *Khâm định vạn niên thư [1544-1903]* [4] được in năm 1850, lịch trước năm 1850 là lịch chính thức, lịch sau năm đó là lịch dự soạn, chỉ để tham khảo. Lịch trong *Lịch đại niên kỷ bách trủng kinh [1740-1883]* [6] là lịch được chép lại sau (có thể sau năm 1904 [5] (trang 98), nó tập hợp các lịch đã ban hành chính thức trước đó.

Nhận định từ Bảng 1:

1) So sánh cột 5 và 6, ta thấy rõ ràng *Thanh vạn niên thư* mà Chương Dụng dùng giống với *Đạo Quang vạn niên thư* [12] – một cuốn lịch dự soạn, đó là sai

lâm của ông. So sánh 2 cột trên với cột 4, ta thấy lịch dự soạn khác với lịch chính thức, bởi thế không dùng được.

2) Lịch các năm 1841, 1848 của Việt Nam ở cả 3 cuốn lịch (cột 7, 8, 9) đều giống nhau, đều là lịch chính thức. Ba năm sau (1856, 1866, 1869), lịch ở *Khâm định vạn niên thư* (cột 9) [4] khác với lịch ở *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* (cột 8) [6], theo cách giải thích của chúng tôi, thì lịch ở cuốn sau (cột 8) là lịch chính thức [5]. Ta thấy, theo Chương Dụng: lịch trong *Bách trúng kinh* A2517 (cột 7) giống với lịch trong *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* (cột 8); như vậy chứng tỏ: a) Lịch trong *Bách trúng kinh* A2517 là lịch chính thức của nước ta. b) Quyết định dùng lịch ở cuốn lịch *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* (cột 8) [6] làm lịch chính thức của chúng tôi [5] là đúng.

3) Trong giai đoạn này, lịch chính thức của Việt Nam giống lịch chính thức của Trung Quốc, chúng đều được in đậm, nghiêng.

Hai là, đóng góp của Chương Dụng cho việc khảo lịch Tây Sơn

Như chúng tôi đã viết, cuốn *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* [1740-1883] A1237 hiện còn là cuốn lịch duy nhất có lịch Tây Sơn, nhưng có nhiều lỗi, chúng tôi đã vận dụng lý thuyết mã sửa sai đính chính được gần 80 lỗi khác, nhưng còn lịch 2 năm Mậu Dần (1758) và Quý Sửu (1793) có lỗi quá lớn, không sửa được. Cụ thể, người chép đã sơ ý lấy nhầm lịch năm Đinh Sửu (1757) chép vào năm Mậu Dần, lịch năm Canh Tuất (1790) chép vào năm Quý Sửu. Như vậy, lịch Tây Sơn còn thiếu năm Quý Sửu. Nay có bài “Việt lịch sóc nhuận khảo” [1], ta biết chắc được lịch năm đó của Tây Sơn giống lịch Trung Quốc [7]. Đó là đóng góp quan trọng nhất. Ngoài ra “Việt lịch sóc nhuận khảo” còn cho ta đầy đủ 13 năm lịch Tây Sơn rút ra từ *Bách trúng kinh* A2517. Như vậy đây là phiên bản thứ hai về lịch Tây Sơn, nó giống như phiên bản thứ nhất lấy từ *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* [6] trong khi phiên bản thứ nhất này phải qua hiệu đính mới có.

Nhân đây, chúng tôi lập Bảng 2, để ta có một cái nhìn tổng quan về lịch Tây Sơn.

Từ Bảng 2, ta thấy: Lịch Tây Sơn (TS) trong 13 năm từ 1789 đến 1801 khác hẳn với lịch của chúa Nguyễn (CN) 5 lần, ở các trường hợp 1, 2, 3, 5, 6, trong đó có 3 lần khác nhau về nhuận là 1, 2, 5, tức là khác nhau lớn. Thậm chí ở trường hợp 2, khác nhau cả ngày Tết, tức là Tết năm đó, dân ở 2 vùng đất do hai thế lực cai quản ăn Tết không cùng ngày. Lịch Tây Sơn khác lịch Trung Quốc ít, chỉ có 3 lần, và đều là khác nhau nhỏ, tức là về ngày sóc (ngày mùng 1) ở các trường hợp 3, 4, 6.

Bảng 2: Lịch Tây Sơn (TS) so với lịch chúa Nguyễn (CN) và lịch Thanh (TQ).

Thứ tự	Năm		Tháng âm	Sóc ghi bằng ngày dương			TS khác	
	Dương	Can chi		TS	CN	TQ	với	về
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1792	Nhâm Tý	Hai N		23-3		CN	N
			Ba	23-3	21-4	23-3		
			Tư	21-4	21-5	21-4		
			Tư N	21-5		21-5		
2	1794	Giáp Dần	Một N		22-12		CN	N&T
			Chạp	22-12	21-1	22-12		
			Giêng	21-1	19-2	21-1		
			Hai	19-2	21-3	19-2		
			Hai N	21-3		21-3		
3	1795	Ất Mão	Mười	12-11	11-11	11-11	CN&TQ	S
4	1796	Bính Thìn	Năm	6-6	6-6	5-6	TQ	S
5	1797	Đinh Tị	Sáu N	24-7		24-7	CN	N
			Bảy	22-8	24-7	22-8		
			Bảy N		22-8			
6	1800	Canh Thân	Tư N	23-5	24-5	24-5	CN&TQ	S

Ghi chú cho cột cuối N là nhuận. T là Tết. S là Sóc (ngày mồng 1).

Lịch chúa Nguyễn trong thời gian đó khác hẳn lịch Thanh 3 lần ở số 1, 2, 5, tức là khác nhau về nhuận và 1 lần khác nhau nhỏ ở số 4, tức là khác nhau về sóc.

Những điểm khác nhau của lịch Tây Sơn với lịch Thanh theo Chương Dụng khi ông đối chiếu lịch ở bản *Bách trủng kinh* A2517 với lịch Thanh (TQ) [1] cũng trùng với chúng tôi sau khi hiệu đính cuốn *Lịch đại niên kỷ bách trủng kinh* [5].

Ta biết, lịch Thanh theo phép Thời Hiến, lịch chúa Nguyễn theo phép Đại Thống, nên khác nhau nhiều. Lịch Tây Sơn gần với lịch Thanh, ta có thể đoán rằng, lịch Tây Sơn dùng phép Thời Hiến như lịch Thanh, nhưng tính toán kém chính xác hơn.

Kết luận lại, chúng ta thấy Chương Dụng qua bài “Việt lịch sóc nhuận khảo” [1] đã có những đóng góp đáng ghi nhận.

Đầu tiên ta có thể nhận thức được, trong một thế giới đa văn hóa, người nước ngoài, như Chương Dụng xưa, hay Yukio Ohaschi nay rất chú ý đến hiện tượng: lịch Việt Nam từ xa xưa đã khác với lịch Trung Hoa.

Thứ nữa, khi so sánh các kết quả nghiên cứu của Chương Dụng, ta thấy: Lịch ở *Bách trủng kinh* [1759-1886] A2517, hoàn toàn trùng lịch ở *Lịch đại niên*

kỷ bách trủng kinh [1740-1883], A1237 mà chúng tôi đã khảo cứu [5]. Nó cho ta tin vào việc hiệu đính lịch cổ theo phương pháp mã sửa sai mà chúng tôi đã dùng.

Tiếp theo, ta biết rằng, cuốn *Bách trủng kinh* [1758-1886] A2517 mà Chương Dụng khảo sát không còn nữa, nhưng bằng bài viết của ông, chúng ta có được nội dung của nó, nghĩa là bài viết đã giữ được hồn cốt của *Bách trủng kinh* A2517. Trong khi, cuốn *Lịch đại niên kỷ bách trủng kinh* [1740-1883] A1237 mà chúng tôi nghiên cứu có quá nhiều lỗi (khoảng 80 lỗi), phải dùng mã sửa sai để hiệu chỉnh lại, nhưng vẫn còn 2 lỗi không sửa được vào năm Mậu Dần (1758) và năm Quý Sửu (1793) [5]. Với khoảng thời gian có lịch của 2 cuốn gần tương đương nhau, bài “Việt lịch sóc nhuận khảo” cho phép ta nhận định việc hiệu đính cuốn *Lịch đại niên kỷ bách trủng kinh* [1740-1883] A1237 mà chúng tôi đã làm [5] là đáng tin cậy và hoàn toàn có thể sử dụng được.

Đóng góp cụ thể: Lịch các năm Tân Sửu (1841), Mậu Thân (1848), Bính Thìn (1856), Bính Dần (1866), Kỷ Tỵ (1869) ở Bảng 1 đã củng cố các nhận định về lịch nhà Nguyễn giai đoạn 1840 đến 1870 mà chúng tôi đã khảo sát trước đây nêu ở [5].

Lịch Tây Sơn ở năm Quý Sửu (1793) trong cuốn *Lịch đại niên kỷ bách trủng kinh* là một trường hợp không hiệu chỉnh được, nghĩa là trước đây chúng ta còn thiếu lịch năm đó, thì nay nhờ “Việt lịch sóc nhuận khảo” cho ta biết được lịch năm đó có trong *Bách trủng kinh* A2517 giống lịch nhà Thanh và như thế là đã bổ sung lịch năm đó vào kết quả khảo cứu của chúng tôi trước đây [5], để chúng ta có đủ toàn bộ lịch Tây Sơn trong khoảng 1789 đến 1801.

Bài báo này như một nén hương tưởng niệm TS. Yukio Ohashi, người đã đột ngột ra đi vào cuối tháng Mười năm 2019, sau khi kịp cung cấp cho chúng bài “Việt lịch sóc nhuận khảo”. Chúng tôi vô cùng thương tiếc và biết ơn Tiến sĩ, người rất yêu mến nền thiên văn, lịch pháp Việt Nam và đã ra sức quảng bá nó qua nhiều tác phẩm của mình.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020

L T L, P V L

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương Dụng (章用). (1940). “Việt lịch sóc nhuận khảo” 越曆朔閏考. *Tây Nam Nghiên cứu* 西南研究. 1, tr.25–35.
2. Hoàng Xuân Hãn. (1982). *Lịch và lịch Việt Nam*. Phụ trương Tập san *Khoa học Xã hội*. Paris.
3. Nguyễn Mậu Tùng. (1992). *Lịch Việt Nam 1901-2010*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
4. *Khâm định vạn niên thư* 欽定萬年書 [1544-1903]. Ký hiệu R 2200 ở Thư viện Quốc gia Việt Nam.
5. Lê Thành Lân. (2010). *Năm trăm năm lịch Việt Nam (1544-2043)*. Nxb Hà Nội.
6. *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* 曆代年紀百中經 [1740-1883]. Ký hiệu A.1237. Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
7. Lê Thành Lân, Phạm Vũ Lộc. (2018). “Việt lịch sóc nhuận khảo” – *Bài viết đầu tiên về lịch cổ Việt Nam*. Trong *Nghiên cứu Hán Nôm* năm 2018. Nxb Thế giới, tr. 691-699.
8. Hoàng Bá Lộc. 黃伯祿. (1910). *Trung Tây niên nguyệt thông khảo* 中西年月通考 (Pierre Hoang: Concordance des chronologies néoméniques Chinoise et Européenne). Thượng Hải.
9. Trần Viên. 陳垣. (1962). *Nhị thập sử sóc nhuận biểu* 二十史朔閏表. Trung Hoa thư cục xuất bản.
10. Tiết Trọng Tam, Âu Dương Di 薛仲三, 歐陽頤. (1956). *Lưỡng thiên niên Trung Tây lịch đối chiếu biểu* 兩千年中西曆對照表 (A sino-western calendar for two thousand years 1-2000 AD). Sinh hoạt, đọc thư, tân trí tam liên thư điểm.
11. Vạn niên lịch biên tả tổ 万年历编写组. (1991). *Vạn niên lịch (tân bản) (1841-2060)*. 万年历新版 (1841-2060)). Khí tượng xuất bản xã 气象出版社.
12. *Đạo Quang vạn niên thư* 道光万年书, 中國哲學書電子化計劃 Trung Quốc triết học thư điện tử hóa kế hoạch, <https://ctext.org/library.pl?if=gb&file=102624>.

TÓM TẮT

Chương Dụng là người Trung Hoa được sinh ra ở Anh (1911) và được học thành tài tại Đức (1929-1936). Ông tới Hà Nội (1938) đọc sách ở Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp, ông đã đọc cuốn lịch cổ của Việt Nam là *Bách trúng kinh* A2517 (nay đã thất lạc) và viết ngay bài “Việt lịch sóc nhuận khảo”. Năm 1939, Chương Dụng đi Hương Cảng (một nhượng địa thuộc Anh) chữa bệnh, rồi mất tại đó. Ông còn kịp gửi bài báo trên cho tạp chí *Tây Nam Nghiên cứu* để xuất bản vào số 01 năm 1940.

Với bài báo trên, Chương Dụng – một người nước ngoài – trở thành người đầu tiên nghiên cứu lịch cổ Việt Nam và có đóng góp quan trọng. Bài báo trên đã bảo lưu được hồn cốt của cuốn *Bách trúng kinh* (1758-1886) A2517. Nó cho thấy cuốn *Lịch đại niên kỷ bách trúng kinh* (1740-1883) A1237 sau hiệu đính giống *Bách trúng kinh* A2517 hoàn toàn, và như vậy phép hiệu đính của chúng tôi là đáng tin cậy. Bài viết của Chương Dụng đã giúp ta tìm được lịch nhà Tây Sơn của năm Quý Sửu (1793) mà trước đây chưa khẳng định được. Quan trọng là nhờ có Chương Dụng, chúng ta có được một phiên bản thứ hai về lịch Tây Sơn (từ 1789 đến 1801) cũng như phiên bản thứ hai về lịch chính thức của nhà Nguyễn giai đoạn 1851-1886 qua cuốn *Bách trúng kinh* A2517 để tăng thêm độ tin cậy của các kết luận khảo cứu.

ABSTRACT**ZHANG YONG'S CONTRIBUTION TO THE STUDY OF VIETNAMESE ANCIENT CALENDARS**

Zhang Yong is a Chinese who was born in England (1911) and studied in Germany (1929-1936). He went to Hanoi (1938) and read the books in École française d'Extrême-Orient. He reads the ancient Vietnamese calendar *Bách trủng kinh* A2517 (which is now lost) and shortly after wrote an article *Study on the first days of month and bissextile months of Vietnamese Calendar*. In 1939 Zhang Yong went to Hong Kong (a ceded land to England) for illness treatment, then died there. He also promptly submitted the above article to the Journal *Study Southwest* to publish in the first issue of 1940.

With the above article, Zhang Yong - a foreigner - became the first person to study the ancient Vietnamese calendar and made some important contributions. The above article has preserved the essence of the book *Bách trủng kinh* A2517. The article shows that the edited *Lịch đại niên kỷ bách trủng kinh* (1740-1883) A1237 is completely similar to the *Bách trủng kinh* A2517 (1758-1886), and our editing method is reliable. The article of Zhang Yong helped us find the Tây Sơn calendar of the year of Gui Chou (1793), which was previously not confirmed. It is important that thanks to Zhang Yong's article, we have a second version of the Tây Sơn Dynasty calendar (from 1789 to 1801) as well as a second version of the official Nguyễn Dynasty calendar from 1851-1886 via *Bách trủng kinh* A2517 to increase the reliability of research conclusions.